

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN
KHÓA XI - NHIỆM KỲ 2021 - 2026
KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 07**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2015; Luật Ngân sách
nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 năm 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của
UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà
nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 253/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của UBND
huyện Quảng Điền về việc đề nghị cho ý kiến Kế hoạch vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục
tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, với những nội dung cụ thể sau:

I. Mục tiêu

Từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn, đô thị và kết nối các vùng gắn với bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; thực hiện

lồng ghép vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia với vốn đầu tư công và các nguồn lực khác giai đoạn 2021-2025; thu hút tối đa, nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý nguồn vốn đầu tư; góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

II. Định hướng đầu tư

Tập trung và lồng ghép nguồn lực đầu tư nâng cao chất lượng huyện, xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 gắn với quy hoạch vùng, Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp; ưu tiên đầu tư nâng cao tiêu chí hạ tầng giao thông, thủy lợi, hệ thống trường lớp học đạt chuẩn quốc gia, cụ thể như sau:

1. Công trình giao thông: Đường vào vùng sản xuất tập trung, hoàn thiện và nâng cao hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã.

2. Công trình thủy lợi: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng, chống thiên tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Trường học: Tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh các công trình cấp xã đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, mức độ 2 cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở.

III. Nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025

Tổng số: 118.163 triệu đồng, bao gồm:

1. Ngân sách Trung ương: 27.625 triệu đồng, hỗ trợ 100% cho các công trình của xã quản lý.

2. Ngân sách địa phương đối ứng: 90.538 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh: 36.215 triệu đồng (hỗ trợ các công trình cấp huyện quản lý 40%: 11.928 triệu đồng; hỗ trợ các công trình cấp xã quản lý 60%: 24.287 triệu đồng).

- Ngân sách huyện, xã đối ứng: 54.323 triệu đồng.

+ Ngân sách huyện: 23.281 triệu đồng (được phân chia theo tỷ lệ tiền đất); trong đó, đối ứng 60% công trình cấp huyện quản lý: 17.892 triệu đồng; hỗ trợ đối ứng các công trình cấp xã quản lý: 5.389 triệu đồng.

+ Ngân sách xã đối ứng thực hiện các công trình cấp xã quản lý: 31.042 triệu đồng.

(có Phụ lục 01 kèm theo)

IV. Dự kiến Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025

1. Danh mục, tổng mức đầu tư, kế hoạch vốn công trình dự kiến giai đoạn 2021-2025 - Phân theo lĩnh vực

a) Tổng mức đầu tư dự kiến: 118.163 triệu đồng.

b) Cơ cấu đầu tư:

- Đầu tư phát triển giao thông nông thôn:

Tổng số: 29.879 triệu đồng/09 công trình, chiếm 25,3% tổng mức đầu tư dự kiến; bố trí từ nguồn ngân sách Trung ương: 9.709 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 7.664 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách huyện: 1.902 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách xã: 10.604 triệu đồng.

- Đầu tư phát triển thủy lợi:

Tổng số: 57.580 triệu đồng/01 dự án và 10 công trình, chiếm 48,7% tổng mức đầu tư dự kiến; bố trí từ nguồn ngân sách Trung ương: 9.023 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 19.045 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách huyện: 19.656 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách xã: 9.856 triệu đồng.

- Đầu tư hạ tầng giáo dục - xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia:

Tổng số: 28.754 triệu đồng/11 công trình, chiếm 24,3% tổng mức đầu tư dự kiến; bố trí từ nguồn ngân sách Trung ương: 8.893 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 8.256 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách huyện: 1.723 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách xã: 9.882 triệu đồng.

- Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng:

Tổng số: 1.950 triệu đồng/02 công trình, chiếm 1,7% tổng mức đầu tư dự kiến; bố trí từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 1.250 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách xã: 700 triệu đồng.

(có Phụ lục 02 kèm theo)

2. Danh mục, tổng mức đầu tư, kế hoạch vốn công trình dự kiến giai đoạn 2021-2025 - Phân theo địa phương

a) Dự án cấp huyện quản lý: 01 dự án, với tổng mức đầu tư 29.820 triệu đồng, chiếm 25,2% tổng số: Kiên cố hoá kết hợp giao thông đê bao nội đồng các trạm bơm tiêu: Phước Lý, Bạch Đằng, Bàu Bang, Đông Lâm; vốn đối ứng ngân sách tỉnh hỗ trợ: 11.928 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách huyện: 17.892 triệu đồng.

b) Công trình cấp xã quản lý: 32 công trình, với tổng mức đầu tư 88.343 triệu đồng, chiếm 74,8% tổng số; vốn ngân sách Trung ương: 27.625 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 24.287 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách huyện: 5.389 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách xã: 31.042 triệu đồng.

(có Phụ lục 03 kèm theo)

V. Một số giải pháp thực hiện

Để thực hiện có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, UBND huyện đã chỉ đạo các đơn vị được giao làm chủ đầu tư thực hiện tốt các

nội dung như sau:

1. Bám sát kế hoạch đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 để triển khai, tổ chức chỉ đạo điều hành kế hoạch theo đúng quy định.

2. Tập trung thực hiện các biện pháp để chủ động tạo nguồn và tăng thu ngân sách, sớm hoàn thành kế hoạch được giao. Tăng cường tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển. Ưu tiên bố trí vốn cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, các dự án tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng, các dự án có khả năng hoàn thành trong năm hoặc có khối lượng thi công lớn. Tổ chức thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt và triển khai xây dựng các quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết,... nhằm tạo sự thuận lợi cho công tác quản lý.

3. Nâng cao trách nhiệm của các đơn vị được giao làm Chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn quản lý đầu tư; tăng cường quản lý vốn đầu tư, chỉ được khởi công công trình khi có bố trí vốn; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thi công, tiến độ giải ngân vốn đầu tư ngân sách nhà nước ngay từ đầu năm; đẩy nhanh tiến độ thi công, đẩy nhanh tiến độ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

4. Yêu cầu UBND các xã và các đơn vị được giao làm chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện đúng nội dung của Thủ tướng Chính phủ, phải thực hiện dự án theo mức vốn được phân bổ, bố trí vốn đối ứng theo kế hoạch giao, không dẫn đến nợ đọng xây dựng cơ bản.

5. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện và UBND các xã ngay từ đầu năm cần đẩy nhanh công tác tạm ứng, giải ngân khối lượng xây dựng cơ bản. Chịu trách nhiệm trước UBND huyện về tiến độ hoàn thành dự án, thanh toán và giải ngân theo quy định; Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc nhà nước huyện thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện, tiến độ giải ngân vốn, những khó khăn, vướng mắc,... để kịp thời tham mưu UBND huyện điều chuyển nguồn vốn đầu tư của các dự án không có khả năng giải ngân cho các dự án có khối lượng hoàn thành nhưng chưa đủ vốn. Không bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành nhưng chưa hoàn tất công tác quyết toán theo quy định, không giao dự án đầu tư mới cho các đơn vị làm chủ đầu tư vi phạm quy định về thời gian lập báo cáo quyết toán, không cho phép nhà thầu tham gia đấu thầu dự án mới khi chưa hoàn thành quyết toán các dự án đã thực hiện hoàn thành theo quy định mà lỗi thuộc về nhà thầu.

6. Tăng cường công tác thanh tra và kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí. Tập

trung vào các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

7. Tăng cường công tác quản lý các công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng một cách có hiệu quả, phát huy hết năng lực thiết kế, thực hiện đúng quy trình duy tu, bảo dưỡng công trình theo kỹ thuật do Nhà nước quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao trách nhiệm cho UBND huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban, các Tổ và các đại biểu HĐND huyện phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khóa XI, kỳ họp chuyên đề lần thứ 07 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Thường vụ Huyện ủy;
- CT, PCT HĐND huyện;
- UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban, Tổ, Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo VP+CVHĐ;
- Lưu: VT. *ph*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Lượng

PHỤ LỤC
(Kèm theo Nghị quyết số: 49/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Quảng Điền)

Phụ lục 01:

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA 2021-2025 - HUYỆN QUẢNG ĐIỀN

DVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch năm 2022							Kế hoạch 2023-2025							Ghi chú
		Tổng số	Phân ra						Tổng số	Phân ra						Tổng số	Phân ra						
			NSTW	NS địa phương đối ứng						NSTW	NS địa phương đối ứng						NSTW	NS địa phương đối ứng					
				Cộng	NS Tỉnh	Ngân sách huyện, xã					Cộng	NS Tỉnh	Ngân sách huyện, xã					Cộng	NS Tỉnh	Ngân sách huyện, xã			
				Cộng	NS huyện	NS xã					Cộng	NS huyện	NS xã				Cộng	NS huyện	NS xã				
	TỔNG SỐ	118.163	27.625	90.538	36.215	54.323	23.281	31.042	9.754	8.050	1.704	1.704	0	0	0	108.409	19.575	88.834	34.511	54.323	23.281	31.042	Tổng cộng vốn đối ứng huyện, xã: 54.323 triệu đồng. Vốn đối ứng huyện, xã được phân chia theo tỷ lệ tiền đất (Huyện: 54.323trđ*0,3/0,7=23.281trđ; xã: 54.323trđ*0,4/0,7=31.042trđ)
1	Đầu tư các công trình của huyện	29.820		29.820	11.928	17.892	17.892		1.704		1.704	1.704	0	0	0	28.116		28.116	10.224	17.892	17.892		
2	Đầu tư các công trình của các xã	88.343	27.625	60.718	24.287	36.431	5.389	31.042	8.050	8.050	0	0	0	0	0	80.293	19.575	60.718	24.287	36.431	5.389	31.042	
	Tỷ lệ các nguồn vốn (%) đầu tư các công trình của các xã	100,0	31,3	68,7	27,5	41,2	6,1	35,1															
	NGÂN SÁCH TỈNH ĐÃ PHÂN BỐ			2.505	2.505																		
	Còn lại	85.838	27.625	58.213	21.782	36.431	5.389	31.042															
	TỶ LỆ CÁC NGUỒN VỐN DỰ ÁN CẤP XÃ	100,0	32,2		25,4			6,3	36,2														

Lưu ý:

1. Tổng vốn đối ứng của Tỉnh, Huyện, xã:
 - Ngân sách tỉnh: 36.215
 - Ngân sách tỉnh dự kiến phân bổ: 36.215
 - Ngân sách huyện, xã: 54.323 *Bố trí đủ theo Nghị quyết 63 của HĐND Tỉnh; phân chia theo tỷ lệ tiền đất của huyện, xã*
 - Ngân sách huyện: 23.281 *Phân chia theo tỷ lệ tiền đất của huyện, xã*
 - + Ngân sách xã: 31.042
2. Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% các công trình của xã quản: 27.625
3. Ngân sách tỉnh dự kiến phân bổ: 36.215
 - Bố trí 40% cho công trình cấp huyện quản lý: 11.928
 - Bố trí phần vốn còn lại cho các công trình cấp xã quản lý: 24.287
4. Ngân sách huyện dự kiến phân bổ: 23.281
 - Bố trí 60% cho công trình cấp huyện quản lý: 17.892
 - Bố trí phần vốn còn lại cho các công trình cấp xã quản lý: 5.389

Stt	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch giai đoạn 2021-2025																Ghi chú													
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Năm 2022 (bao gồm vốn năm 2021 chuyển sang)				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025																
						NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện		Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã																
5	Kiến cố hoá kênh mương các HTX: Đông Vinh, Bắc Vinh và Nam Vinh, xã Quảng Vinh		Dài 2.887m và các công trình trên địa	2022-2023	5.230	1.701	1.339	329	1.861	5.230	1.000				500	1.339	329	800	201			1.061																
6	Kiến cố hoá kênh mương HTX Đông Phước và HTX Mai Phước		1.933km	2022-2023	3.130	1.018	801	197	1.114	3.130	800				218	801	197	800																				
7	Xây dựng các Trạm bơm tưới mini		08 trạm	2023-2024	3.200	1.040	819	202	1.139	3.200					435	819	202	600	605																			
8	Kiến cố hoá kênh mương 2 HTX: Đông Phú, An Xuân, xã Quảng An		Dài 2.422m (xây mới 1.842m)	2022-2023	3.450	1.122	883	217	1.228	3.450	800				322	883	217	600																				
9	Kiến cố hoá kênh mương: HTX Lãnh Thủy		200m		550	179	141	35	196	550					179	141	35	196																				
10	Kiến cố hoá kênh mương các HTX: Tam Giang, Thống Nhất, xã Quảng Thái		Dài 1.131m và các công trình trên địa	2022-2023	1.500	488	384	95	534	1.500	350				138	384	95	534																				
11	Kiến cố hoá kênh mương các HTX: Tin Lợi, Thanh Lợi, xã Quảng Lợi		Dài 941m	2022-2023	2.000	650	512	126	712	2.000	500				150	512	126	712																				
III Trường học đạt chuẩn Quốc gia						28.754	8.893	8.256	1.723	9.882	27.349	700	0	0	0	1.675	3.098	762	2.000	4.132	3.904	961	5.342	2.385	0	0	0	2.390										
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Đặng Hữu Phú, xã Quảng Phú			2021	755		755																															
2	Trường Mầm non Sao Mai 1 (cơ sở Phú Lễ), xã Quảng Phú		2 phòng	2022-2023	3.000	975	768	189	1.068	3.000	700				275	768	189	500																				
3	Trường Tiểu học số 1 Quảng Phú		4 phòng	2023-2024	3.000	975	768	189	1.068	3.000					500	768	189	500	475																			
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường TH Quảng Thọ			2021	650		500		150																													
5	Trường Mầm non Kim Thành		4 phòng	2023-2024	3.000	975	768	189	1.068	3.000					500	768	189	500	475																			
6	Trường Tiểu học số 2 Quảng Thành		4 phòng	2024-2025	3.430	1.115	878	216	1.221	3.430										700	878	216	700	415														
7	Trường mầm non Hòa Mi 1		2 phòng	2024-2025	2.070	673	530	130	737	2.070										673	530	130	737															
8	Trường Mầm non Quảng Phước (Cơ sở Phước Lập)			2024-2025	3.400	1.106	870	214	1.210	3.400										700	870	214	600	406														
9	Trường mầm non Quảng Ngạn		4 phòng	2023-2024	3.100	1.008	794	195	1.103	3.100					400	794	195	500	608																			
10	Trường THCS Phạm Quang Ái		4 phòng	2024-2025	3.100	1.008	794	195	1.103	3.100																												
11	Trường mầm non Quảng Thái		3 phòng	2024-2025	3.249	1.056	832	205	1.156	3.249										500	832	205	500	556														
IV Hệ thống điện chiếu sáng						1.950	0	1.250	0	700	1.950	0	1.250	0	700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	Điện chiếu sáng Đường liên xã Quảng Vinh-Quảng Phú: Đoạn từ Mieu mộ Đặng Hữu Phú đến Xuân Tuy và đoạn từ chợ Quảng Phú đến Phú Lễ; xã Quảng Phú		2.0km	2022	850		550		300	850				550			300																					
2	Điện chiếu sáng năng lượng mặt trời và nâng cấp đường trục thôn La Văn Hạ, Phò Nam A, xã Quảng Thọ		1,8km	2022	1.100		700		400	1.100				700			400																					

Ghi chú:

- Tổng số dự án: 33 dự án
 - Cấp huyện quản lý: 01 dự án.
 - Cấp xã quản lý: 32 dự án
- Số dự thực hiện theo cơ chế đặc thù (10%): 03 dự án

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch giai đoạn 2021-2025																Ghi chú				
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Năm 2022 (bao gồm vốn năm 2021 chuyển sang)				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025							
						NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện		Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã		
III	Xã Quảng Công				9.750	3.170	2.496	614	3.470	9.750	1.125	0	0	0	619	1.718	423	1.459	1.037	778	192	1.429	388	0	0	582	Đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2023		
1	Đường giao thông biển Tân An, Tân Lộc		350m	2022-2023	1.290	419	330	81	459	1.290	300				119	330	81	459											
2	Nâng cấp, mở rộng đường liên thôn từ thôn 1 đến thôn 4, xã Quảng Công		Dài 2.500m và các công trình trên tuyến	2023-2024	5.420	1.762	1.388	341	1.929	5.420	825				500	1.388	341	1.000	437			929							
3	Bê tông tuyến đường nội đồng thôn 1, 2, 3, 4, xã Quảng Công			2024-2025	3.040	988	778	192	1.082	3.040									600	778	192	500	388			582	Thực hiện theo cơ chế đặc thù		
IV	Xã Quảng Thành				9.730	3.161	2.501	628	3.440	9.730	800	0	0	0	770	1.623	412	1.000	1.175	878	216	1.920	415	0	0	521	Đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2023		
1	Kiến cơ hoá kênh mương các HTX: Kim Thành, Phú Thành, xã Quảng Thành		Dài 1.773m	2022-2023	3.300	1.070	855	223	1.152	3.300	800				270	855	223	500			652								
2	Trường Mầm non Kim Thành		4 phòng	2023-2024	3.000	975	768	189	1.068	3.000					500	768	189	500	475			568							
3	Trường Tiểu học số 2 Quảng Thành		4 phòng	2024-2025	3.430	1.115	878	216	1.221	3.430									700	878	216	700	415			521			
V	Xã Quảng Vinh				9.300	3.024	2.381	586	3.309	9.300	1.000	0	0	0	900	1.851	455	1.512	1.124	530	130	1.798	0	0	0	Đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2024			
1	Kiến cơ hoá kênh mương các HTX: Đông Vinh, Bắc Vinh và Nam Vinh, xã Quảng Vinh		Dài 2.887m và các công trình trên tuyến	2022-2023	5.230	1.701	1.339	329	1.861	5.230	1.000				500	1.339	329	800	201			1.061							
2	Đường giao thông nội đồng Cây Đa (HTX Bắc Vinh), vùng ruộng Trĩa (HTX Đông Vinh) và từ Bể về Roi, thôn Đông Lâm		Dài 2.2km	2023-2024	2.000	650	512	126	712	2.000					400	512	126	712	250										
3	Trường mầm non Hòa Mi 1		2 phòng	2024-2025	2.070	673	530	130	737	2.070									673	530	130	737							
VI	Xã Quảng Phước				9.730	3.164	2.491	613	3.462	9.730	800	0	0	0	653	1.620	399	1.400	1.305	870	214	1.453	406	0	0	610	Đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2025		
1	Kiến cơ hoá kênh mương HTX Đông Phước và HTX Mai Phước		1,933km	2022-2023	3.130	1.018	801	197	1.114	3.130	800				218	801	197	800			314								
2	Xây dựng các Trạm bơm tưới mini		08 trạm	2023-2024	3.200	1.040	819	202	1.139	3.200					435	819	202	600	605			539							
3	Trường Mầm non Quảng Phước (Cơ sở Phước Lập)			2024-2025	3.400	1.106	870	214	1.210	3.400								700	870	214	600	406			610	Nâng tăng 2			
VII	Xã Quảng An				9.750	3.170	2.496	614	3.470	9.750	800	0	0	0	822	2.086	513	1.400	1.548	410	101	2.070	0	0	0	Đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2025			
1	Kiến cơ hoá kênh mương 2 HTX: Đông Phú, An Xuân, xã Quảng An		Dài 2.422m (xây mới 1.862m)	2022-2023	3.450	1.122	883	217	1.228	3.450	800				322	883	217	600			628								
2	Đường giao thông liên thôn từ UBND xã ra ngã ba Ông Ngãi		Dài 1.900m	2023-2024	4.700	1.528	1.203	296	1.672	4.700					500	1.203	296	800	1.028			872							
3	Đường giao thông nội đồng Ông Phê, thôn Đông Xuyên và giữa 2 bầu HTX An Xuân		Dài 1200m	2024-2025	1.600	520	410	101	569	1.600									520	410	101	569							
VIII	Xã Quảng Ngạn				6.750	2.195	1.728	425	2.402	6.750	0	0	0	0	579	934	230	696	608	794	195	1.103	1.008	0	0	603	Thực hiện theo cơ chế đặc thù		
1	Kiến cơ hoá kênh mương: HTX Lành Thủy		200m		550	179	141	35	196	550					179	141	35	196											
2	Trường mầm non Quảng Ngạn		4 phòng	2023-2024	3.100	1.008	794	195	1.103	3.100					400	794	195	500	608			603							
3	Trường THCS Phạm Quang Ái		4 phòng	2024-2025	3.100	1.008	794	195	1.103	3.100									794	195	500	1.008			0	603			
IX	Xã Quảng Thái				6.749	2.194	1.728	425	2.402	6.749	850	0	0	0	288	896	221	1.245	500	832	205	500	556	0	0	656			

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch giai đoạn 2021-2025																Ghi chú				
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Năm 2022 (bao gồm vốn năm 2021 chuyển sang)				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025							
						NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện		Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã							
																							NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã		
1	Kiến cố hoá kênh mương các HTX: Tam Giang, Thông Nhất, xã Quảng Thái		Dài 1.131m và các công trình trên tuyến	2022-2023	1.500	488	384	95	534	1.500	350				138	384	95	534											
2	Đường vào trang trại Tây Hoàng tử nhà ông Hiền đến công Trâm Ngang, xã Quảng Thái		Dài 978m và các công trình trên tuyến	2022-2023	2.000	650	512	126	712	2.000	500				150	512	126	712											
3	Trường mầm non Quảng Thái		3 phòng	2024-2025	3.249	1.056	832	205	1.156	3.249																			
X	Xã Quảng Lợi				7.000	2.270	1.807	461	2.462	7.000	1.500	0	0	0	650	1.807	461	1.612	120	0	0	850	0	0	0	0	0	656	
1	Kiến cố hoá kênh mương các HTX: Tân Lợi, Thanh Lợi, xã Quảng Lợi		Dài 941m	2022-2023	2.000	650	512	126	712	2.000	500				150	512	126	712											
2	Đường giao thông nội đồng liên vùng HTX Thăng Lợi		Dài 1.717,6m và các công trình trên tuyến	2022-2023	5.000	1.620	1.295	335	1.750	5.000	1.000				500	1.295	335	900	120				850						